**Mẫu số 05.ĐKCN**

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN CẤP**\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI**

Số\*: A/B/C/ĐKCN

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tên cơ sở chăn nuôi…………. …… Địa chỉ trụ sở: …………………….

Số điện thoại: …………………………… Số Fax: ………………………

Địa chỉ trang trại: ………………………………………………………….

Số điện thoại: …………………………… Số Fax: ………………………

Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập: ............

**Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi.**

Gia súc: …………….…… Số lượng: ………………………………….;

Gia cầm: …………………… Số lượng: …………….………………….;

Vật nuôi khác: ……………….. Số lượng: ………………………………;

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày …. tháng …. năm....***THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**\**Ghi chú:***

Quy định cấp số Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi như sau:

- A: là mã số đơn vị hành chính của địa phương (nơi cấp Giấy chứng nhận) theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

- B: là số thứ tự cơ sở được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi, bắt đầu từ số 001.

- C: là năm cấp Giấy chứng nhận.

- ĐKCN: viết tắt của “điều kiện chăn nuôi”.